TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thị Đào**

2. Ông **Lâm Kim Mến**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Văn Dũng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Khải** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46 ngày 27/6/2019giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Sà P**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp K, xã U, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn xin vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Thạch Ch,** sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp Q, xã U, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Thạch Thị Sà P trình bày: Vào năm 2009, chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 349 ngày 04 tháng 11 năm 2011.

Trong thời gian sống chung, chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C có hai người con chung là cháu Thạch Thanh Đ, sinh ngày 27/4/2010 và cháu Thạch Thanh Ph,

sinh năm 12/02/2013. Hiện hai cháu đang sống với chị Thạch Thị Sà P. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong thời gian chung sống, anh Thạch C thường xuyên dùng vũ lực và dùng những lời lẽ thô tục đối với chị P, nguyên nhận do anh C ghen tương vô cớ hoài nghi chị có quen với người khác nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay mà không có biện pháp gì khắc phục, chị thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Thạch Thị Sà P yêu cầu ly hôn với anh Thạch C.

Về con chung chị P yêu cầu nuôi hai con chung là cháu Thạch Thanh Đ và cháu Thạch Thanh Ph đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Thạch C cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Thạch C trình bày: Về hôn nhân và họ, tên, năm sinh của các con chung anh Thạch C thống nhất với lời trình bày của chị Thạch Thị Sà P. Anh Thạch C cho rằng vợ chồng chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn với nhau nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị Thạch Thị Sà P yêu cầu ly hôn, anh Thạch C không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ. Nếu có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P thì anh Thạch C yêu cầu được nuôi dưỡng một con chung là cháu Thạch Thanh Đ và đồng ý giao cho chị P nuôi cháu Thạch Thanh Ph, không yêu cầu chị Thạch Thị Sà P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh Thạch C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa cháu Thạch Thanh Đ có nguyện vọng được sống chung với cha là Thạch C khi cha, mẹ cháu không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72, Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Sà P đối với anh Thạch C. Về con chung, giao cháu Thạch Thanh Ph, sinh năm 12/02/2013 cho chị Thạch Thị Sà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Thạch Thanh Đ, sinh

ngày 27/4/2010 cho anh Thạch C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Thạch C và chị Thạch Thị sà P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C và chị P không có yêu cầu; anh Thạch C và chị Thạch Thị sà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Thạch Thị Sà P phải chịu theo quy định của pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị Sà P khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Thạch C và hiện nay anh Thạch C cư trú tại ấp Q, xã U, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã U, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 349 ngày 04 tháng 11 năm 2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Sà P, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C sống hạnh phúc được gần mười năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên nhân, anh Thạch C cho rằng chị P có quan hệ bất chính với người khác, từ chổ anh C hoài nghi chị P sống thiếu thủy chung với anh nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn gia đình, luôn bất hòa trong cuộc sống anh C thường xuyên dùng vũ lực và dùng những lời lẽ thô tục đối với chị P dẫn đến vợ chồng không sống chung với nhau được nữa và hai người tự sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Xuất phát từ việc hoài nghi thiếu căn cứ của anh C dẫn đến việc anh C có thái độ xử sự thiếu đúng đắn với chị P, làm ảnh hưởng đến tâm lý tinh thần của chị P. Từ những mâu thuẫn trên chị P thấy không còn tình cảm với anh C, nếu vợ chồng tiếp tục sống chung không thể có hạnh phúc nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh C. Đối với anh C yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn với chị P. Xét thấy trước đây anh C cũng vì ghen tương vô cớ đánh đập chị P và anh C nhận thấy có thiếu sót đối chị P nên nhận khuyết điểm và cam kết khắc phục sửa chữa sai sót để vợ chồng hàn gắn lại nhưng thời gian không bao lâu anh C lại tái diễn những khuyết điểm trở lại đối với chị P do đó việc anh C yêu cầu vợ chồng hàn gắn lại là không chính đáng. Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Thạch Thị Sà P xin ly hôn với anh Thạch C là cần thiết, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Thạch Thị Sà P đối với anh Thạch C là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Thạch Thị Sa P yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thạch Thanh Đ, sinh ngày 27/4/2010 và cháu Thạch Thanh Ph, sinh năm 12/02/2013 và anh Thạch C cũng có yêu cầu nuôi một con chung là cháu Thạch Thanh Đ. xét thấy hiện nay chị P đang trực tiếp nuôi cháu Thạch Thanh Ph còn anh Thạch C đang nuôi cháu Thạch Thanh Đ và tại phiên tòa cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với cha là anh Thạch C, do đó việc anh Thạch C yêu cầu vợ chồng mỗi người nuôi một đứa con chung là phù hợp. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cho chị Thạch Thị Sà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Thạch Thanh Ph, sinh năm 12/02/2013; giao cho anh Thạch C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Thạch Thanh Đ, sinh ngày 27/4/2010 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là có căn cứ đúng pháp luật.

Chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Thạch C và chị Thạch Thị sà P có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung và yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Thạch Thị Sà P phải nộp 300.000 đồng; chị Thạch Thị Sà P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005537 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Sà P. Cho chị Thạch Thị Sà P ly hôn đối với anh Thạch C.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Thạch Thị Sà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Thạch Thanh Ph, sinh năm 12/02/2013;

- Giao cho anh Thạch C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Thạch Thanh Đ, sinh ngày 27/4/2010 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Thạch Thị Sà P và anh Thạch C không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Thạch C và chị Thạch Thị sà P có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Thạch Thị Sà P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Thạch Thị Sà P đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005537 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã U;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út